BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH LÀO CAI

****

**QUY TRÌNH KỸ THUẬT**

**PHẪU THUẬT NỘI SOI KHÂU THỦNG RUỘT NON**

QTKT.01.NGOẠI TH

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Người viết** | **Người kiểm tra** | **Người phê duyệt** |
| **Họ và tên** | **BS. Phan Trọng Trịnh** | **BSCKI. Lê Quyết Thắng** | **BSCKII. Phạm Văn Thinh** |
| Ký |  |  |  |

**QUY TRÌNH KỸ THUẬT**

# PHẪU THUẬT NỘI SOI KHÂU THỦNG RUỘT NON

**1.ĐẠI CƯƠNG**

Thuật ngữ *“Phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non”* là để chỉ kỹ thuật mổ khâu một hay nhiều lỗ thủng ruột non do bị chấn thương bụng kín hoặc bệnh lý bằng phẫu thuật nội soi ổ bụng.

# 2.CHỈ ĐỊNH

- Thủng ruột non do bệnh lý

- Thủng ruột non do chấn thương bụng kín: có thể có nhiều lỗ

# 3.CHỐNG CHỈ ĐỊNH

- Người bệnh thể trạng yếu, sốc do nhiễm trùng, suy thở không cho phép bơm hơi ổ bụng.

- Người bệnh có tiền sử mổ bụng nhiều lần

- Ung thư di căn ra phúc mạc và di căn xa.

# 4. THẬN TRỌNG

# 5 .CHUẨN BỊ

**5.1 . Người thực hiện:**

- Phẫu thuật viên chuyên khoa

- 01 hoặc 02 phụ mổ

- 01 giúp việc  
- Kíp dụng cụ: 01 dụng cụ viên

**5.2. Thuốc:**

- Dung dịch Natriclorua 0,9%

**5.3. Vật tư:**

- Găng tay phẫu thuật, áo, khẩu trang, săng mổ…

- Miếng dán vết mổ ( Opside)

- Lưỡi dao mổ các loại.

- Chỉ khâu các loại.

- Bông gạc,băng dính…

- Tay dao điện, tay dao siêu âm, Ligasure, vật liệu cầm máu, tấm Mass dao điện…

- Ống dẫn lưu

- Cồn 70 độ

- DD povidine

- Nước rửa tay

- Khí CO2

**5.4. Trang thiết bị:**

- Bộ nội soi ổ bụng, Monitor, camera, nguồn sáng, nguồn CO2

- Hệ thống máy bơm và rửa hút dịch ổ bụng

- Hệ thống dao điện lưỡng cực và đơn cực, dao cắt đốt siêu âm,Ligasure

- Các dụng cụ vén ruột, kẹp ruột, panh, kẹp, kéo chuyên biệt cho mổ nội soi ổ bụng

- Bộ dụng cụ mổ bụng thường dùng (chuẩn bị khi phải chuyển mổ mở)

**5.5. Người bệnh**

- Người bệnh và gia đình được giải thích rõ trước mổ về tình trạng bệnh và tình  
trạng chung, về những khả năng phẫu thuật sẽ thực hiện, về những tai biến, biến chứng, di chứng có thể gặp do bệnh, do phẫu thuật, do gây mê, giảm đau, do cơ địa của người bệnh.

- Người bệnh được nhịn ăn, uống trước mổ

**5.6. Hồ sơ bệnh án**

- Hồ sơ bệnh án ngoại khoa đầy đủ, lâm sàng, cận lâm sàng, thăm dò chức năng phục vụ chẩn đoán và điều trị

- Các biên bản hội chẩn, phiếu duyệt mổ, cam đoan của bệnh nhân hoặc người nhà

**5.7. Thời gian thực hiện kỹ thuật** từ 01h đến 03h

**5.8. Địa điểm thực hiện kỹ thuật**

Tại các phòng mổ vô trùng có đầy đủ các máy móc thiết bị phù hợp cho ca phẫu thuật nội soi.

**5.9. Kiểm tra hồ sơ, người bệnh**

- Kiểm tra người bệnh: Đánh giá tính chính xác của người bệnh: đúng người bệnh, đúng chẩn đoán, đúng vị trí cần phẫu thuật…

- Thực hiện đúng bảng kiểm an toàn phẫu thuật, thủ thuật.

- Đặt tư thế người bệnh: nằm ngửa trên bàn mổ có cố định tư thế

# 6. TIẾN HÀNH QUY TRÌNH KỸ THUẬT

**6.1. Bước 1:**

- Sát trùng vùng mổ, trải săng vô khuẩn

**6.2. Bước 2:** Đặt trocar **(**Thường đặt 3 đến 4 trocar tại các vị trí như sau)

- Trên rốn: sử dụng cho ống camera (trocar 10mm)

- Hai trocar 5mm: 1 trocar đặt hố chậu trái, 1 trocar ở hố chậu phải và có thể đặt thêm 1 trocar 5mm nếu cần.

**6.3. Bước 3:**

**-** Đánh giá tổn thương: Đầu tiên là quan sát ổ bụng, số lượng dịch, có máu hay không (trong chấn thương bụng kín), nếu là chấn thương thì cần kiểm tra kỹ cả tạng đặc như lách, gan, tụy và thận. Dùng kìm kẹp ruột kiểm tra dạ dày, đại tràng, sau đó kiểm tra ruột non từ góc Treitz đến hồi tràng để tìm lỗ thủng. Trong quá trình kiểm tra có thể kết hợp hút sạch dịch và gửi để cấy và kháng sinh đồ

- Súc rửa ổ bụng: Sau khi tìm thấy lỗ thủng thì tiến hành súc rửa ổ bụng, súc rửa bằng dung dịch NaCl 0,9% ấm.

- Xử lý lỗ thủng:

+ Nếu thủng do bệnh lý: xén mép lỗ thủng làm giải phẫu bệnh lý

+ Nếu lỗ thủng nhỏ, có thể khâu nội soi bằng 1 mũi chữ X

+ Nếu lỗ thủng lớn hoặc nhiều lỗ thủng xa nhau, mở bụng khoảng 2-3 cm, đưa quai ruột ra ngoài khâu ngang lại bằng chỉ tiêu chậm.

+ Nếu có nhiều lỗ thủng gần nhau kích thước lớn, mở bụng khoảng 2-3 cm đưa quai ruột ra ngoài, cắt đoạn ruột chứa các lỗ thủng, nối lại tận tận và đưa vào lại ổ bụng.

**6.4. Bước 4:**

**-** Dẫn lưu ổ bụng và đóng các lỗ trocar: Dẫn lưu ổ bụng đưa ra lỗ trocar 5mm hố chậu phải, đầu dẫn lưu ở Douglas. Đóng lại các lỗ trocar.

**6.5. Kết thúc quy trình**

- Đánh giá tình trạng người bệnh sau phẫu thuật

- Hoàn thiện ghi chép hồ sơ

- Bàn giao người bệnh về phòng hồi tỉnh theo dõi sau phẫu thuật

**7. THEO DÕI VÀ XỬ LÝ TAI BIẾN**

**7..1.Theo dõi**

- Sau mổ rút ống nội khí quản khi bệnh nhân tỉnh

- Theo dõi các chỉ số sinh tồn, dịch qua sonde dẫn lưu

- Theo dõi như mọi trường hợp phẫu thuật đường tiêu hóa nói chung

**7..2. Xử lý tai biến**

**- Trong phẫu thuật**

+ Chảy máu: nếu không cầm được bằng nội soi, nên chuyển mổ mở.

+ Tổn thương các tạng lân cận: có thể phải chuyển mổ mở kiểm tra và xử trí theo tình huống cụ thể.

**- Sau phẫu thuật**

+ Chảy máu trong ổ bụng: Cần mổ lại sớm để kiểm tra và xử trí cầm máu.

+ Bục chỗ khâu hoặc miệng nối: Cần mổ lại sớm.

+ Chít hẹp chỗ khâu hoặc miệng nối: Mổ lại để giải quyết nguyên nhân.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. “Hướng dẫn quy trình kỹ thuật Phẫu thuật nội soi”, Bộ Y tế số 7708/ QĐ- BYT ngày 30 tháng 12 năm 2016
2. Quyết định số 3023/ QĐ- BYT ngày 28 tháng 7 năm 2023 Của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “ Đề cương tài liệu chuyên môn Hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh”

PHỤ LỤC

**DANH MỤC**

# CHUẨN BỊ ĐỂ THỰC HIỆN KỸ THUẬT PHẪU THUẬT NỘI SOI KHÂU THỦNG RUỘT NON

# *(Ghi chú: danh mục và số lượng có thể thay đổi trển thực tế thưc hiện kỹ thuật tuỳ từng trường hợp cụ thể hoặc diễn biến trong cuộc mổ)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Danh mục chuẩn bị** | **Đơn vị** | **Số lượng** |
| 1 | **Lao động trục tiếp** | Người | 5 |
| 1.1 | Phẫu thuật viên | Người | 1 |
| 1.2 | Phụ mổ | Người | 2 |
| 1.3 | Dụng cụ viên | Người | 1 |
| 1.4 | Giúp việc | Người | 1 |
| **2** | **Thuốc** |  |  |
| 2.1 | Dung dịch Natriclorua 0.9% ( chai 500 ml) | chai | 8 |
| **3** | **Vật tư** |  |  |
| 3.1 | Lưỡi dao mổ | cái | 1 |
| 3.2 | Tay dao siêu âm, Ligasure | cái | 0.2 |
| 3.3 | Tay dao điện | cái | 0.2 |
| 3.4 | Vật liệu cầm máu các loại | gói | 1 |
| 3.5 | Gạc mổ nhỏ | gói | 4 |
| 3.6 | Chỉ khâu cân cơ các loại | sợi | 4 |
| 3.7 | Chỉ khâu da | sợi | 1 |
| 3.8 | ống dẫn lưu | cái | 1 |
| 3.9 | Povidine | ml | 100 |
| 3.10 | Găng tay mổ | đôi | 5 |
| 3.11 | Cồn 70 độ | ml | 30 |
| 3.12 | Dung dịch rửa tay | ml | 50 |
| 3.14 | Miếng dán vết mổ | Miếng | 1 |
| 3.15 | Áo mổ | cái | 0,015 |
| 3.16 | Khẩu trang | cái | 0,015 |
| 3.17 | Khăn lau tay | cái | 0.06 |
| 3.18 | Săng mổ 2×1.45m | cái | 0.013 |
| 3.19 | Mũ vải | cái | 0.015 |
| 3.20 | Băng dính | cuộn | 0.05 |
| 3.21 | Khí CO2 | Lít | 3 |
| 3.22 | Tấm mass dao điện | tấm | 0.2 |
| **4** | **Trang Thiết bị**  (sử dụng trực tiếp) |  |  |
| 4.1 | Bộ dụng cụ Phẫu thuật nội soi | Bộ | 1 |
| 4.2 | Dàn máy phẫu thuật nội soi | Bộ | 1 |
| 4.3 | Máy hút | Cái | 1 |
| 4.4 | Dao điện | Cái | 1 |